TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- V	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2025

Về việc: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Trương Văn Te.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7- V.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2025/TLST-Hồ GĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-Hồ GĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2025/QĐST-Hồ GĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà ồ guyễn Thị ồ gọc D, sinh năm: 1987; Địa chỉ (cũ): 579, ấp B, xã H, huyện G, tỉnh B.

ồ ay là ấp B, xã H, tỉnh V

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm: 1989; Địa chỉ (cũ): 579, ấp B, xã H, huyện G, tỉnh B.

ồ ay là ấp B, xã H, tỉnh V

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà và bị đơn là ông Trần Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng ồ hượng, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 15/3/2013. Hôn nhân do mai mối. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2023 cho đến nay. ồ guyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà thường hay cự cải và đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà. Ông L còn đánh đập bà bị thương tích. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 03 con chung tên là Trần Thị Bảo C, sinh ngày 13/11/2013; Trần Thị Bảo ả , sinh ngày 05/9/2016 và Trần Thị Bảo T, sinh ngày 05/9/2016, hiện cả 03 con chung chưa thành niên do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung chưa thành niên, bà yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho mỗi con chung chưa thành niên.

ả gày 07/8/2025, bà D xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên mỗi tháng là 1.170.000 đồng cho mỗi cháu, cho đến khi các con chung đều tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà đi làm ăn xa, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông L được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G (ả ay là Tòa án nhân dân khu vực 7- V) đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 12 tháng 9 năm 2025, ông L vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông L vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà ả guyễn Thị ả gọc D là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Trần Văn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D và ông L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 15/3/2013 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà D và ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà D trình bày, bà và ông L đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông L từ năm 2024, không có thời gian đoàn tụ. Sau khi bà D có yêu cầu xin ly hôn với ông L, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều

kiện động viên cho bà D và ông L hàn gắn, nhưng ông L đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà D và ông L đoàn tụ được. Việc ông L vắng mặt là ông L đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà D, đã đương nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà D không còn tình cảm vợ chồng với ông L nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Tòa án đã động viên bà D trở về cùng đoàn tụ với ông L nhưng bà D không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông L.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà D và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà D cho bà D được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* bà D và ông L có 03 con chung tên là Trần Thị Bảo C, sinh ngày 13/11/2013; Trần Thị Bảo ả , sinh ngày 05/9/2016 và Trần Thị Bảo T, sinh ngày 05/9/2016, hiện cả 03 con chung chưa thành niên do bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, cả 03 con chung là Bảo C, Bảo ả và Bảo T đều đã trên 7 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cả 03 con chung, Bảo C, Bảo ả và Bảo T đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao cả 03 con chung chưa thành niên là Bảo C, Bảo ả , Bảo T cho bà D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu của bà D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà D có yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên mỗi tháng là 1.170.000 đồng/mỗi con chung cho đến khi cả 03 con chung tròn 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà D yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên hiện do bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ vì theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì : "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Đối với mức cấp dưỡng nuôi con mà bà D có yêu cầu là 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) là phù hợp với khoản 2, Điều 7 ả ghị quyết 01/2024/ả Q-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Đối với lương tối thiểu vùng theo danh mục địa bàn cấp xã tại xã H, tỉnh V thuộc địa bàn vùng III thì mức lương tối thiểu được quy định là 3.860.000đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). ả hư vậy, xét yêu cầu của bà D về việc buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)/tháng là thấp hơn quy định của pháp luật,

đây là sự tự nguyện của bà D nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà D khai về tài sản chung,tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà D khai không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông L không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông L có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* bà D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ ả ghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà ả guyễn Thị ả gọc D được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. *Về con chung:* Bà ả guyễn Thị ả gọc D và ông Trần Văn L có 03 con chung tên là Trần Thị Bảo C, sinh ngày 13/11/2013; Trần Thị Bảo ả , sinh ngày 05/9/2016 và Trần Thị Bảo T, sinh ngày 05/9/2016. Giao cả 03 con chung chưa thành niên là Trần Thị Bảo C; Trần Thị Bảo ả và Trần Thị Bảo T cho bà D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên mỗi tháng là 1.170.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) cho mỗi cháu, cho đến khi cả 03 con chung là Bảo C, Bảo ả và Bảo T tròn 18 tuổi và tự lao động sinh sống được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 23/9/2025.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà ả guyễn Thị ả gọc D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0010674 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện G (ả ay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - V). Bà D đã nộp đủ án phí.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Buộc ông Trần Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSả D khu vực 7- V;
- THADS tỉnh V;
- TAả D tỉnh V;
- UBả D xã H, tỉnh V
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền